

Số: 123/BC-SKHĐT

Thái Bình, ngày 18 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO**  
**Công tác phòng, chống tham nhũng quý I năm 2019**

Ngày 12/3/2019, Thanh tra tỉnh có văn bản số 153/TTr-VP về việc báo cáo kết quả công tác phòng chống tham nhũng quý I/2019; Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo kết quả thực hiện, như sau:

**I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG**

**1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng chống tham nhũng; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của Sở**

Lãnh đạo Sở thường xuyên chỉ đạo các phòng chuyên môn rà soát các văn bản quy định và các nội quy, quy trình làm việc đề tham mưu sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh để phù hợp với quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; không đặt ra các thủ tục hành chính khác ngoài những quy định của Nhà nước; Chỉ đạo triển khai công tác minh bạch tài sản, thu nhập theo quy định tại Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ và Thông tư số 08/2013/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ.

**2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng**

- Công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Tiếp tục thực hiện đúng chế độ công khai, minh bạch trong các hoạt động của cơ quan; thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, phổ biến, công khai, minh bạch bằng những hình thức phù hợp đến cán bộ, công nhân viên thuộc phạm vi quản lý của sở, những nội dung công khai, minh bạch theo đúng quy chế làm việc của cơ quan, quy định của Nhà nước: Chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, của các bộ, ngành Trung ương, của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh có liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành, nhiệm vụ công tác của cơ quan, đơn vị; Kế hoạch công tác của cơ quan và các chủ trương, văn bản chỉ đạo điều hành của cấp trên và của Lãnh đạo cơ quan; Dự toán kinh phí hoạt động và quyết toán kinh phí năm của cơ quan; các tài sản, trang thiết bị của cơ quan; công tác tổ chức cán bộ; các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức; các đề án, đề tài, các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý của ngành; kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê khai theo quy định; Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ cơ quan; Các nội quy, quy chế, quy định của cơ quan.

- Việc xây dựng, ban hành và thực hiện quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn:

Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công của cơ quan ban hành kèm theo Quyết định số 08/QĐ-SKHĐT ngày 21/02/2017 của Giám đốc sở về các chế độ, định mức, tiêu chuẩn chi tiêu đối với nguồn kinh phí



thường xuyên và sử dụng, quản lý các tài sản công của cơ quan phù hợp với quy định hiện hành của nhà nước và của tỉnh.

- *Việc chuyển đổi vị trí công tác cán bộ công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng:*

Sở KH&ĐT ban hành kế hoạch về chuyển đổi vị trí công tác: Kế hoạch số 18/KH-SKHĐT ngày 14/12/2018 triển khai thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức giai đoạn 2019-2020 (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 07/3/2019).

Số lượt chuyển đổi vị trí công tác trong kỳ báo cáo: 00.

- *Việc nhận, nộp lại quà tặng:*

Không có trường hợp sử dụng tài sản công không đúng quy định, lãng phí; không có trường hợp tặng quà, nhận quà tặng trái quy định trong dịp lễ, tết.

- *Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập:*

Trong quý IV/2018, đã triển khai thực hiện việc kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập của năm 2018.

- *Việc thực hiện cải cách hành chính (CCHC):*

Nhìn chung, quý I/2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác CCHC, tập trung vào việc xây dựng các kế hoạch; tổ chức rà soát, công khai, minh bạch các TTHC của sở, nâng cao ý thức tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ công chức, qua đó, góp phần quan trọng vào đẩy mạnh công tác CCHC của tỉnh.

- *Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị:* Duy trì và phát triển việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn - TCVN ISO 9001 : 2008 vào các hoạt động của cơ quan; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành. Trong đó, nổi bật là quy trình giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp đã kết nối tự động với hệ thống của cơ quan thuế và thực hiện hoàn toàn trên Hệ thống đăng ký doanh nghiệp quốc gia (dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4); quy trình giải quyết TTHC đối với lĩnh vực đầu tư, đấu thầu được thực hiện một phần qua Mạng Văn phòng liên thông của tỉnh và của cơ quan.

Cơ quan tiếp tục thực hiện việc chi trả qua tài khoản đối với tất cả các khoản chi cho cán bộ, viên chức.

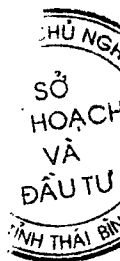
### **3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng quý IV:**

- Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương: Chưa có vụ việc tham nhũng nào được phát hiện.

- Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra: Chưa có vụ việc tham nhũng.

- Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo: Không có.

- Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương: Không có.



- Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác: Không có.

## II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG, CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG

### 1. Đánh giá tình hình tham nhũng:

- Đánh giá tình hình tham nhũng trong phạm vi quản lý:

Nhờ phát huy sức mạnh tổng hợp, công khai minh bạch trong các hoạt động nên Sở chưa có vụ việc tham nhũng nào xảy ra.

- So sánh tình hình tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước: Từ trước đến nay chưa có vụ việc tham nhũng nào được phát hiện.

### 2. Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng:

- Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý:

Nhờ đẩy mạnh đồng bộ các giải pháp, lấy ngăn ngừa làm chính nên trong thời gian qua chưa có vụ việc tham nhũng xảy ra. Việc thực hành tiết kiệm đã được quan tâm.

- So sánh hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước:

Đảng ủy, Ban Giám đốc rất quan tâm đến công tác phòng chống tham nhũng, ngày càng phát huy sức mạnh tổng hợp trong công tác phòng chống tham nhũng.

- Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng: Hoàn thành tốt công tác phòng chống tham nhũng.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác phòng chống tham nhũng quý I năm 2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư, đề nghị Thanh tra tỉnh tổng hợp báo cáo theo quy định./. *fat*

#### Nơi nhận :

- Thanh tra tỉnh;
- Giám đốc sở;
- Lưu: VT, TTr.

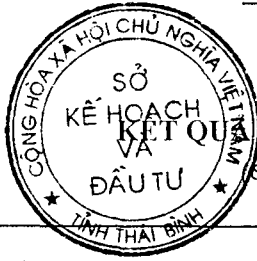
KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Long

**UBND TỈNH THÁI BÌNH**  
**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

Biểu số 3a



**CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**  
(Số liệu tính từ ngày 16/12/2018 đến ngày 15/3/2019)

| MS | NỘI DUNG   | ĐV TÍNH    | SỐ LIỆU |
|----|--|------------|---------|
|    | <b>CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT</b>   |            |         |
| 1  | Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN   | Văn bản    | 0       |
| 2  | Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành  | Văn bản    | 0       |
|    | <b>TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN</b>  |            |         |
| 3  | Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN   | Lượt người | 0       |
| 4  | Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức  | Lớp        |         |
| 5  | Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản   | Tài liệu   |         |
|    | <b>THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG</b>   |            |         |
|    | <i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>   |            |         |
| 6  | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch  | CQ, TC, ĐV | 0       |
| 7  | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động   | CQ, TC, ĐV | 0       |
|    | <i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>  |            |         |
| 8  | Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới  | Văn bản    | 0       |
| 9  | Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp  | Văn bản    | 0       |
| 10 | Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn   | Cuộc       | 0       |
| 11 | Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý  | Vụ         | 0       |
| 12 | Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn  | Người      | 0       |
| 13 | Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật  | Người      | 0       |
| 14 | Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự  | Người      | 0       |
| 15 | Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền). | Triệu đồng | 0       |
| 16 | Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường  | Triệu đồng | 0       |
| 17 | Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị  | Người      | 0       |
| 18 | Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)   | Triệu đồng | 0       |



|    |   |            |      |
|----|---|------------|------|
|    | <i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i>  |            |      |
| 19 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức  | CQ, TC, ĐV | 0    |
| 20 | Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý   | Người      | 0    |
| 21 | Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng  | Người      | 0    |
|    | <b>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</b>  |            |      |
| 22 | Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập   | Người      | 0    |
| 23 | Số người bị kết luận kê khai không trung thực   | Người      | 0    |
|    | <b>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng</b>   |            |      |
| 24 | Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng   | Người      | 0    |
| 25 | Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng   | Người      | 0    |
| 26 | Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng  | Người      | 0    |
|    | <b>Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán</b>   |            |      |
| 27 | Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính   | CQ, TC, ĐV | 1    |
| 28 | Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc   | %          | 100% |
|    | <b>PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG</b>   |            |      |
|    | <b>Qua việc tự kiểm tra nội bộ</b>  |            |      |
| 29 | Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ  | Vụ         | 0    |
| 30 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ   | Người      | 0    |
|    | <b>Qua hoạt động thanh tra</b>  |            |      |
| 31 | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra  | Vụ         | 0    |
| 32 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra  | Người      | 0    |
|    | <b>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</b>  |            |      |
| 33 | Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức  | Đơn        | 0    |
| 34 | Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết  | Đơn        | 0    |
| 35 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo  | Vụ         | 0    |
| 36 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo  | Người      | 0    |
|    | <b>Qua điều tra tội phạm</b>  |            |      |
| 37 | Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố   | Vụ         | 0    |
| 38 | Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố   | Người      | 0    |
|    | <b>XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG</b>   |            |      |
| 39 | Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) | Vụ         | 0    |

ỦY NG  
 3  
 OẠCH  
 VÀ  
 ẬU T  
 THAI B

|    |  |                |   |
|----|--|----------------|---|
| 40 | Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) | Người          | 0 |
| 41 | Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng;  | Người          |   |
| 42 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng;   | Người          |   |
| 43 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng;   | Người          |   |
| 44 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng.  | Người          |   |
| 45 | Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính   | Vụ             | 0 |
| 46 | Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng  | Người          | 0 |
| 47 | Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)  | Vụ             | 0 |
| 48 | Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)  | Người          | 0 |
|    | <b>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được.</b>   |                |   |
| 49 | + Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)   | Triệu đồng     | 0 |
| 50 | + Đất đai  | m <sup>2</sup> | 0 |
|    | <b>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</b>   |                |   |
| 51 | + Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)   | Triệu đồng     | 0 |
| 52 | + Đất đai  | m <sup>2</sup> | 0 |
|    | <b>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được</b>   |                |   |
| 53 | + Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)   | Triệu đồng     | 0 |
| 54 | + Đất đai  | m <sup>2</sup> | 0 |
|    | <b>Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng</b>   |                |   |
| 55 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù   | Người          | 0 |
| 56 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó  | Người          | 0 |
|    | + Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ   |                |   |
|    | + Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương   |                |   |
|    | + Tặng Giấy khen   |                |   |
| 57 | Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác do vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng  | Người          | 0 |
| 58 | Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác sau đó được kết luận là có hành vi tham nhũng  | Người          | 0 |
| 59 | Số đơn yêu cầu cơ quan nhà nước giải trình theo quy định của Nghị định số 90/2013/NĐ-CP  | Đơn            | 0 |
| 60 | Số đơn yêu cầu cơ quan nhà nước giải trình đủ điều kiện để cơ quan nhà nước giải trình   | Đơn            | 0 |
| 61 | Số đơn yêu cầu đã được giải trình  | Đơn            | 0 |